TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Đoàn Thị Ngọc Hân**

2- Ông **Bùi Phương Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 565/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09 /2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Đào Thị L,** sinh năm: 1981,

Địa chỉ: số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: 6/10, đường R, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Duy T,** sinh năm: 1982,

Địa chỉ: số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị L có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; Anh Thanh vắng m tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị L có yêu giải quyết vụ án vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị L trình bày yêu cầu như sau:

Vợ chồng chị do quen biết rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2012. Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị hạnh phúc được nhiều năm. Đến năm 2022 vợ chồng chị đã mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T sinh tật nhậu nhiều và mỗi lần nhậu về thì anh T lại có thái độ không tốt đối với chị, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều .Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T nhưng không đạt kết quả. Chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên yêu cầu ly hôn anh T.

Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: 01 con tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 04/6/2013, hiện cháu đang ở với chị; Chị yêu cầu nuôi con; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ly khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Duy T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh T; giao con chung là cháu Nguyễn Như Ý sinh ngày 04/6/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có; Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh T có nơi cứ trú tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị L có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; Do đó căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh T.

Chị L và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu của chị L được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L xác định đã không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị L, anh T hàn gắn tình cảm nhưng anh T đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh T đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ.

Mặt khác, theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị L và anh T đã có những mâu thuẫn phát sinh. Qúa trình giải quyết vụ án, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị L đối với anh Nguyễn Duy T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 04/6/2013. Hiện cháu Ý đang ở cùng chị L, có cuộc sống, học tập ổn định; bản thân cháu Ý1 có nguyện vọng ở với mẹ. Từ những phân tích trên, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho con chung nên việc giao cháu Ý cho chị L tiếp tục

nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật HN&GĐ. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ly khai không có.

[2.4] Nợ chung: Chị Ly khai không có.

[2.5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị L phải nộp.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng đn sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Đào Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của chị L, anh T chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Đào Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày 04/6/2013. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ly khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đào Thị L phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000853 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Thành;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã An Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**